

Số: 1164/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con đồng bào dân tộc thiểu số  
thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ II năm học 2024- 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT  
CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

*Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-CĐKTCN ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 08/07/2015 của Hội Đồng nhân dân Tỉnh Khánh Hòa quy định về chế độ học bổng và khen thưởng cho học sinh, sinh viên;*

*Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-CĐKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;*

*Theo biên bản họp Hội đồng xét học bổng cho HSSV là con đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa ngày 12 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tổ chức – Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng cho **23** học sinh, sinh viên là con đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa đang học tập tại trường học kỳ II, năm học 2024-2025.

(Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Học sinh, sinh viên được hưởng chế độ học bổng theo quy định hiện hành. Sau khi tốt nghiệp nếu không về công tác tại địa phương phải hoàn trả toàn bộ số tiền trên theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh, sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, TC-TC (02b), QTCL-HSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ths. Nguyễn Văn Lực**

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN LÀ CON ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC VÙNG MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA  
CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024- 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số:1164/QĐ-CDKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Họ và tên          | Ngày sinh  | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                         | Lớp         | Mức học bổng/tháng | Số tháng | Tổng học bổng | Đối tượng          |
|-----|--------------------|------------|---------|------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|----------|---------------|--------------------|
| A   | B                  | C          | D       | E                                                          | F           | G                  | H        | I= G*H        | K                  |
| 1   | Mang Thị Thiên Vân | 13/10/2007 | Rag lay | Buôn Đung, Ninh Tây, Ninh Hòa, Khánh Hòa                   | 12C10       | 290.000            | 4        | 1.160.000     | Trung học (lớp 12) |
| 2   | Cao Thị Như Ý      | 01/12/2006 | Rag lay | Thôn Suối Lau 2- Suối Cát - Cam Lâm - Khánh Hòa            | 12C4        | 290.000            | 4        | 1.160.000     |                    |
| 3   | Cao Thị Hương Lan  | 01/12/2006 | Rag lay | Thôn Suối Lau 2- Suối Cát- Cam Lâm- Khánh Hòa              | 12C5        | 290.000            | 4        | 1.160.000     |                    |
| 4   | Cao Thành Phát     | 06/9/2005  | Rag lay | Thôn Cà Hon-Khánh Bình- Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa         | CD- ĐĐT 17  | 840.000            | 5        | 4.200.000     | Cao đẳng           |
| 5   | Bo Mang Hoàng Phúc | 26/9/2005  | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh- Khánh Hòa | CD- CNOT17A | 840.000            | 5        | 4.200.000     |                    |
| 6   | Mang Nhân          | 17/8/2005  | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh- Khánh Hòa | CD- CNOT17C | 840.000            | 5        | 4.200.000     |                    |

| STT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                           | Lớp         | Mức học bổng/tháng | Số tháng | Tổng học bổng | Đối tượng |
|-----|---------------------|------------|---------|--------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|----------|---------------|-----------|
| A   | B                   | C          | D       | E                                                            | F           | G                  | H        | I= G*H        | K         |
| 7   | Bo Quốc Tuấn        | 28/2/2008  | Rag lay | Thôn Giải Phóng, Cam Phước Đông-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa | TC-CN0T17B  | 840.000            | 5        | 4.200.000     | Trung cấp |
| 8   | Cao Trần Nhật Khiếu | 29/09/2009 | Rag lay | Thôn Suối Lau 3-Suối Cát-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa             | TC-ĐĐT18    | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |
| 9   | Nguyễn Tấn Nghiệp   | 14/05/2009 | Rag lay | Thôn Đồng Cau-Suối Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa               | TC-ĐĐT18    | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |
| 10  | Mẫu Thị Yến Vi      | 28/12/2005 | Rag lay | Thôn Giải Phóng, Cam Phước Đông-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa | CĐ- CBMA17  | 840.000            | 5        | 4.200.000     | Cao đẳng  |
| 11  | Đình Văn Thiết      | 23/12/2005 | Tày     | Buôn Đung- Ninh Tây- Ninh Hòa- Khánh Hòa                     | CĐLT-KTML18 | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |
| 12  | Kator Sĩ Luân       | 13/12/2006 | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa    | CĐ-ĐĐT18    | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |
| 13  | Cao Thành Vinh      | 03/06/2006 | Rag lay | Thôn Đông-Sông Cầu-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa                | CĐ-ĐCN18A   | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |
| 14  | Cao Lương Khôi      | 03/11/2006 | Rag lay | Cà Hon - Khánh Bình-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa               | CĐ-ĐCN18B   | 840.000            | 5        | 4.200.000     |           |

| STT | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                          | Lớp        | Mức học bổng/tháng | Số tháng | Tổng học bổng     | Đối tượng |
|-----|-------------------|--------|------------|---------|-------------------------------------------------------------|------------|--------------------|----------|-------------------|-----------|
| A   | B                 |        | C          | D       | E                                                           | F          | G                  | H        | I= G*H            | K         |
| 15  | Mẫu Hồng Thị      | Nghiêm | 21/06/2006 | Rag lay | Thôn Giải Phóng-Cam Phước Đông-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa | CĐ-QTKS18  | 840.000            | 5        | 4.200.000         | Cao đẳng  |
| 16  | Bo Huyền Ngọc Yến | Vy     | 20/11/2006 | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa   | CĐ-QTKS18  | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 17  | Trần Mạnh         | Linh   | 09/01/2006 | Tày     | Thôn Suối Lách-Khánh Trung-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa       | CĐ-CNOT18A | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 18  | Mang Thiên        | Trường | 27/06/2006 | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa   | CĐ-CNTT18A | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 19  | Bo Mang Quốc      | Hoàng  | 14/09/2003 | Rag lay | Thôn Thịnh Sơn-Cam Thịnh Tây-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa   | CĐ-CNTT18B | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 20  | Cao Bảo           | Đại    | 19/12/2005 | Rag lay | Thôn Suối Lách-Khánh Trung-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa       | CĐ-CNTT18B | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 21  | Cao Văn           | Thượng | 17/09/2003 | Rag lay | Thôn Suối Cá-Khánh Trung-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa         | CĐ-CNTT18B | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 22  | Cao               | Đẹp    | 01/01/2003 | Rag lay | Suối Sâu- Ninh Tân- Ninh Hòa- Khánh Hòa                     | CĐ-CNTT17A | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
| 23  | Pi Năng           | Khôi   | 21/9/2006  | Rag lay | Thôn Suối Cá-Khánh Trung-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa         | CĐ-CNOT18B | 840.000            | 5        | 4.200.000         |           |
|     | <b>Cộng</b>       |        |            |         |                                                             |            |                    |          | <b>87.480.000</b> |           |

Danh sách này có: **23** học sinh, sinh viên.

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Dân tộc | Hộ khẩu<br>thường trú | Lớp | Mức học<br>bổng/tháng | Số<br>tháng | Tổng học<br>bổng | Đối tượng |
|-----|-----------|-----------|---------|-----------------------|-----|-----------------------|-------------|------------------|-----------|
| A   | B         | C         | D       | E                     | F   | G                     | H           | $I = G * H$      | K         |









